TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tâm và ông Huỳnh Văn Dứt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh ngày 19/12/1995, số căn cước công dân 079095023451; địa chỉ: số A, đường D, ấp B, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 01/8/1991, số căn cước công dân 089191023314; địa chỉ: ấp A, xã H, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: Năm 2017, ông T và bà Nguyễn Thị Thu S kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo giấy đăng ký kết hôn số 67, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hoà thuận, ông T và bà S cùng nhau lao động xây dựng gia đình, nuôi dưỡng và dạy dỗ con cái. Tuy nhiên, thời gian gần đây, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhận giữa ông T và bà S nảy sinh ngày càng gay gắt, không có tôn trọng ý kiến của nhau, đời sống hôn nhân của ông T và bà S không thể khôi phục lại như trước, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì thế nay ông T làm đơn này yêu cầu toà

án nhân dân khu vực 11 - An Giang giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu S; Về con chung: Trong quá trình chung sống, có 01 người con chung tên là Nguyễn Đức Thuận Â, sinh ngày 10/03/2018. Hiện cư trú tại: Ấp A, xã H, tỉnh An Giang. Sau khi ông T và bà Nguyễn Thị Thu S ly hôn, ông T đề nghị giao cháu Nguyễn Đức Thuận Â cho bà S chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T sẽ cấp dưỡng cho cháu 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng); Về tài sản chung: ông T và bà Nguyễn Thị Thu S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngày 29/10/2025, ông T xác định con chung là cháu Â đang sống với bà S, cho nên không dẫn cháu đến Tòa án để Tòa án ghi nhận ý kiến được và ông T xác định lại yêu cầu khởi kiện đối với phần con chung cụ thể như sau: Vợ chồng có 01 người con chung tên là Nguyễn Đức Thuận Â, sinh ngày 10/03/2018, con chung đang sống với bà S, khi ly hôn đồng ý để bà S tiếp tục nuôi dưỡng, khi bà S có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì ông T sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Đức T khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu S. Bà S có nơi cư trú trên địa bàn xã H, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Nguyễn Thị Thu S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Thu S là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày là mâu thuẫn trong đời sống hôn nhận giữa ông T và bà S nảy sinh ngày càng gay gắt, không có tôn trọng ý kiến của nhau, đời sống hôn nhân của ông T và bà S không thể khôi phục lại như trước, hôn nhân không đạt được mục đích. Hội đồng xét xử thấy rằng ông T xin ly hôn với bà S, ông T, bà S sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[4] Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Đức T xác định vợ chồng có 01 người con chung tên là Nguyễn Đức Thuận Â, sinh ngày 10/03/2018, con chung đang sống với bà S, khi ly hôn đồng ý để bà S tiếp tục nuôi dưỡng, khi bà S có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì ông T sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét thấy, con chung, đang được bà S chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định,

ông T không tranh chấp việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Đức Thuận Â cho bà S được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Đức T khởi kiện xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức T khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Đức T ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu S.

2) Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu S được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Đức Thuận Â, sinh ngày 10/03/2018. Ông Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thu S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Đức T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về tài sản chung và về nợ chung: Ông Nguyễn Đức T khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

4) Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp

án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003804 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Đức T đã nộp đủ.

5) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND kgu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Củ Chi, TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng